Chi tiết mã HS 0301.99

Mã HS	0301.99
Mô tả hàng hóa	Cá sống / - Cá sống khác: / - - Loại khác:
Đơn vị	
Thời điểm tạo	02/11/2026 02:19:41
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/030199/

17 dòng thuế thuộc 0301.99

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Đơn vị	Thuế NK thông thường	MFN	VAT
0301.99.11	Cá sống / - Cá sống khác: / - - Loại khác: / - - - Cá bột của cá măng biển và của cá mú: / - - - - Để nhân giống (SEN)	kg/con	5%	0%	* / 8 / 10 (nhiều mức)
0301.99.19	Cá sống / - Cá sống khác: / - - Loại khác: / - - - Cá bột của cá măng biển và của cá mú: / - - - - Loại khác	kg/con	30%	20%	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)
0301.99.22	Cá sống / - Cá sống khác: / - - Loại khác: / - - - Cá bột loại khác: / - - - - Cá chép khác, để nhân giống (SEN)	kg/con	5%	0%	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)
0301.99.23	Cá sống / - Cá sống khác: / - - Loại khác: / - - - Cá bột loại khác: / - - - - Cá chép loại khác (SEN)	kg/con	30%	20%	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)
0301.99.24	Cá sống / - Cá sống khác: / - - Loại khác: / - - - Cá bột loại khác: / - - - - Loại khác, để nhân giống	kg/con	5%	0%	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)
0301.99.29	Cá sống / - Cá sống khác: / - - Loại khác: / - - - Cá bột loại khác: / - - - - Loại khác	kg/con	30%	20%	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)
0301.99.31	Cá sống / - Cá sống khác: / - - Loại khác: / - - - Cá măng biển và cá mú, trừ cá bột: / - - - - Cá măng biển để nhân giống (SEN)	kg/con	5%	0%	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)
0301.99.32	Cá sống / - Cá sống khác: / - - Loại khác: / - - - Cá măng biển và cá mú, trừ cá bột: / - - - - Cá măng biển, loại khác (SEN)	kg/con	30%	20%	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Đơn vị	Thuế NK thông thường	MFN	VAT
0301.99.33	Cá sống / - Cá sống khác: / - - Loại khác: / - - - Cá măng biển và cá mú, trừ cá bột: / - - - - Cá mú chấm nhỏ (Plectropomus leopardus)(SEN)	kg/con	30%	20%	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)
0301.99.34	Cá sống / - Cá sống khác: / - - Loại khác: / - - - Cá măng biển và cá mú, trừ cá bột: / - - - - Cá mú hoa nâu/cá mú cọp (Epinephelus fuscoguttatus) (SEN)	kg/con	30%	20%	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)
0301.99.35	Cá sống / - Cá sống khác: / - - Loại khác: / - - - Cá măng biển và cá mú, trừ cá bột: / - - - - Cá mú dẹt (Cromileptes altivelis) (SEN)	kg/con	30%	20%	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)
0301.99.36	Cá sống / - Cá sống khác: / - - Loại khác: / - - - Cá măng biển và cá mú, trừ cá bột: / - - - - Cá mú loại khác	kg/con	30%	20%	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)
0301.99.41	Cá sống / - Cá sống khác: / - - Loại khác: / - - - Cá nước ngọt khác: / - - - - Cá rô phi (Oreochromis spp.)(SEN)	kg/con	30%	20%	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)
0301.99.42	Cá sống / - Cá sống khác: / - - Loại khác: / - - - Cá nước ngọt khác: / - - - - Cá chép khác, để nhân giống (SEN)	kg/con	5%	0%	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)
0301.99.49	Cá sống / - Cá sống khác: / - - Loại khác: / - - - Cá nước ngọt khác: / - - - - Loại khác	kg/con	30%	20%	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)
0301.99.50	Cá sống / - Cá sống khác: / - - Loại khác: / - - - Cá biển khác	kg/con	30%	20%	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)
0301.99.90	Cá sống / - Cá sống khác: / - - Loại khác: / - - - Loại khác	kg/con	30%	20%	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.